

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NẬM NHÙN  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-01-2024

V/v “Ly hôn ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Đồng Văn Dũng

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông : Phan Văn Thóc

2. Ông: Đặng Văn Phú

**- Thư ký phiên tòa:** Ông: Lý Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn tham gia phiên tòa:**  
Ông: Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Lò Văn T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. (Có mặt tại phiên tòa)

2. **Bị đơn:** Chị Quàng Thị H, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2023 và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lò Văn T trình bày:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh và chị Quàng Thị H đến với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu vào ngày 07/02/2017. Anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh và chị H chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng càng về sau thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung, chị H không chăm lo cho gia đình, hai vợ chồng đã sống ly thân gần 03 năm. Anh T nhận thấy tình cảm giữa anh và chị H không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu giải quyết cho

anh được ly hôn với chị Quàng Thị H.

2. *Về con chung*: Anh Lò Văn T và chị Quàng Thị H không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về chia tài sản*: Tài sản chung; tài sản riêng và vay nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Quàng Thị H: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Quàng Thị H: như Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H đã từ chối, né tránh không nhận và không ký vào các biên bản của Tòa án, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hoà giải được hai bên. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử tổng đạt cho chị Quàng Thị H nhưng chị H vẫn cố tình né tránh từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án đã tiến hành xác minh và lập biên bản về việc chị Quàng Thị H cố tình né tránh, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án mà không có lý do và chị Quàng Thị H cũng không có văn bản trả lời về việc anh Lò Văn T có đơn xin ly hôn. Vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Lò Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Quàng Thị H theo nội dung đơn xin ly hôn của anh T đã trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ

được công khai tại phiên tòa cho thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Lò Văn T được ly hôn với chị Quàng Thị H.

Về con chung: Anh Lò Văn T và chị Quàng Thị H không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ chung: Anh Lò Văn T và chị Quàng Thị H không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Quàng Thị H có nơi cư trú tại bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

Việc chị Quàng Thị H đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nhưng chị H cố tình không đến, tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt, đây là lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Quàng Thị H.

Chị Quàng Thị H hiện nay không có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi nên anh Lò Văn T có quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của anh Lò Văn T, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Quàng Thị H tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/02/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp. Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Anh T và chị H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên khi tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án thì chị H từ chối, né tránh không nhận và không ký vào các văn bản tố tụng mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng được. Về mâu thuẫn vợ chồng thì quá trình chung sống tại địa phương, anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung, chị H không chăm lo cho gia đình nên anh T và chị H đã sống ly thân gần 03 năm, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy

mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của anh T được ly hôn với chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị H không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.4] Về án phí: Tại phiên tòa anh Lò Văn T xin Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, xét đề nghị của nguyên đơn là có cơ sở vì anh T là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lò Văn T.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- 1. Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lò Văn T được ly hôn với chị Quàng Thị H.
- 2. Về con chung:* Anh Lò Văn T và chị Quàng Thị H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- 3. Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- 4. Về án phí:* Anh Lò Văn T được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.
- 5. Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được

quyền kháng cáo lên Toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn;
- Chi cục thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn;
- UBND xã Nậm Mạnh, huyện Nậm Nhùn;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đồng Văn Dũng**

cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn;
- Chi cục thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn;
- UBND xã Nậm Mạnh, huyện Nậm Nhùn;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**



